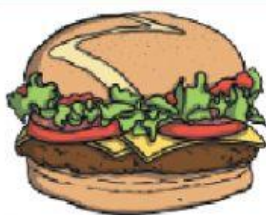


I can read! 我会读 wǒ huì dú!



carrot
hú luó bo
胡萝卜



burger
hàn bǎo
汉堡



fizzy pop
qì shuǐ
汽水



chocolate
qiǎo kè lì
巧克力



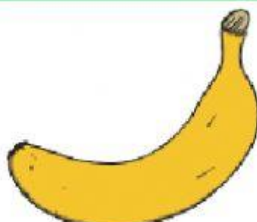
cake
dàn gāo
蛋糕



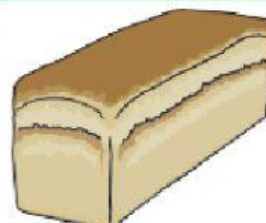
pizza
pī sà
披萨



tomato
xī hóng shì
西红柿



banana
xiāng jiāo
香蕉



bread
miàn bāo
面包



apple
píng guǒ
苹果



crisps
shǔ piàn
薯片



orange
jú zi
桔子